TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2024
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hà Ứng Cương**
2. Bà **Nguyễn Hải Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2023/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị Si M**, sinh năm 1991
Địa chỉ: Tổ 3, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K.
2. Bị đơn: Anh **Danh N**, sinh năm 1984
Địa chỉ: Tổ 3, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, chị Thị Si M có mặt, anh Danh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2023 của chị Thị Si M, đơn phản tố đề ngày 25/12/2023 của anh Danh N, bản tự khai của các đương sự, nội dung các phiên hòa giải ngày 30/11/2023, 29/12/2023, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Chị Thị Si M trình bày:*

Vào năm 2010, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tôi cùng anh Danh N đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào tháng 4/2010 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/8/2015 và đã được UBND xã Bình An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 143/2015.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi không có nợ chung, có 02 người con chung là cháu Danh Thị Huỳnh Như, sinh ngày 10/8/2015, cháu Danh Thị Như Ý, sinh ngày 26/12/2018. Hiện tại tôi đang nuôi dưỡng cháu Như Ý, anh Danh N đang nuôi dưỡng cháu Huỳnh Như.

Tôi có tài sản riêng là 01 công đất ruộng tầm 03 mét ở ấp Xà Xiêm, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang do mẹ ruột của tôi tên Thị Them cho riêng tôi sau khi tôi và anh Danh N làm đám cưới.

Chúng tôi có tài sản chung là:

- 02 công đất ruộng tầm 03 mét ở ấp Xà Xiêm, xã Bình An do tôi và anh Danh N mua của mẹ tôi vào năm 2013 với giá 1,3 cây vàng 24K/công.

Cả 03 công đất ruộng nêu trên hiện nay vẫn còn đứng tên mẹ của tôi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ chưa làm thủ tục sang tên cho tôi và anh Danh N. Hiện nay tôi và anh Danh N cho ông Danh Còn ở ấp Xà Xiêm thuê cả 03 công đất ruộng nêu trên từ năm 2020 cho đến nay với giá 7.500.000 đồng/năm.

- 01 nền nhà có chiều ngang 12m, chiều dài 30m tọa lạc tại ấp An Thới, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang do tôi và anh Danh N mua của bà Thị Phương vào năm 2019 với giá 50.000.000 đồng, có làm giấy tay mua bán đất nhưng chưa làm thủ tục sang tên tôi và anh Danh N, mà còn đứng tên bà Thị Phương trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện nay tôi làm thuê, thu nhập không ổn định, trung bình khoảng 03 đến 04 triệu đồng/tháng.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì chúng tôi hạnh phúc, nhưng sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về nhiều mặt do anh Danh N không có việc làm ổn định, anh Danh N đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi năm anh Danh N chỉ về với tôi và hai con khoảng 2-3 lần, 1 hoặc 2, 3 tháng anh Danh N mới gửi tiền về cho tôi nuôi con với số tiền 1, 2 triệu đồng, các chi phí sinh sống, nuôi con còn lại do tôi tự lo và anh Danh N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, khi anh Danh N về thì anh Danh N hay kiếm chuyện cãi nhau với tôi và đánh tôi nên tôi cảm thấy không còn tình cảm với anh Danh N nữa.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2023, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Danh N.

- Về con chung: Được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Danh Thị Huỳnh Như, Danh Thị Như Ý cho đến khi cháu Danh Thị Huỳnh Như, cháu Danh Thị Như Ý tròn 18 tuổi; không yêu cầu anh Danh N cấp dưỡng nuôi con.

Tại các phiên hòa giải ngày 30/11/2023, 29/12/2023, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Danh N.

- Về con chung: Tôi yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Thị Như Ý cho đến khi cháu Danh Thị Như Ý tròn 18 tuổi; tôi không yêu cầu anh Danh N cấp dưỡng nuôi cháu Danh Thị Như Ý. Tôi đồng ý cho anh Danh N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Thị Huỳnh Như cho đến khi cháu Danh Thị Huỳnh Như tròn 18 tuổi; tôi không cấp dưỡng nuôi cháu Danh Thị Huỳnh Như.

Nếu anh Danh N nuôi cả hai con thì tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

** Anh Danh N trình bày:*

Chị Thị Si M trình bày về hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung và nợ chung là đúng.

Hiện tại tôi và chị Thị Si M vẫn chưa có nhà riêng. Tôi đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi năm tôi chỉ về với chị Thị Si M và hai con khoảng 2-3 lần, 1 hoặc 2, 3 tháng tôi mới gửi tiền về cho chị Thị Si M nuôi con với số tiền 1, 2, 3 triệu đồng, các chi phí sinh sống, nuôi con còn lại do chị Thị Si M tự lo.

Chị Thị Si M và tôi có tài sản chung là: 03 công đất ruộng tầm 03 mét ở ấp Xà Xiêm, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang gồm 01 công do bà Thị Them cho riêng chị Thị Si M sau khi tôi và chị Thị Si M làm đám cưới và 02 công đất ruộng tầm 03 mét ở ấp Xà Xiêm do tôi và chị Thị Si M mua của bà Thị Them, hiện nay bà Thị Them vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ chưa làm thủ tục sang tên cho tôi và chị Thị Si M và 01 nền nhà tọa lạc tại ấp An Thới, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang như Thị Si M đã trình bày.

Hiện nay tôi làm nghề bốc vác, thu nhập không ổn định, trung bình tầm khoảng 10 đến 13 triệu đồng/tháng.

Ý kiến của tôi như sau:

- Về hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn với chị Thị Si M.

Nếu Tòa án giải quyết cho tôi và Thị Si M ly hôn thì tôi phản tố yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Danh Thị Huỳnh Như, Danh Thị Như Ý cho đến khi cháu Danh Thị Huỳnh Như, cháu Danh Thị Như Ý tròn 18 tuổi; tôi yêu cầu chị Thị Si M cấp dưỡng nuôi mỗi người con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày Tòa án cho tôi và chị Thị Si M ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

** Tại phiên tòa,*

Chị Thị Si M vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như tại các phiên hòa giải ngày 30/11/2023, 29/12/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Vào năm 2010, chị Thị Si M và anh Danh N thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 23/10/2023, chị Thị Si M gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang yêu cầu được ly hôn với anh Danh N và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung giữa chị Thị Si M và anh Danh N. Anh Danh N có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại tổ 3, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết vụ án, anh Danh N có yêu cầu phản tố về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Qua xem xét yêu cầu của chị Thị Si M và anh Danh N, Tòa án xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt anh Danh N tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/12/2023 cho anh Danh N theo quy định của pháp luật, anh Danh N vắng mặt phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 21), được sự thống nhất của chị Thị Si M, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Danh Nuôi theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Chị Thị Si M và anh Danh N đi đến hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới vào tháng 4/2010 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/8/2015 và đã được UBND xã Bình An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 143/2015 nên theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Thị Si M và anh Danh N là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Thị Si M yêu cầu được ly hôn với anh Danh N.

Xét rằng: Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết vụ án cũng như tại bản tự khai ngày 20/11/2023, anh Danh N thừa nhận là anh Danh N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhưng anh Danh N không muốn ly hôn với chị Thị Si M. Đây là lỗi lầm rất lớn của anh Danh N trong hôn nhân với chị Thị Si M. Hơn nữa, anh Danh N lại đi làm thuê xa nhà, mỗi năm anh Danh N chỉ về với chị Thị Si M được 1 hoặc 03 lần, nhưng khi về thì anh Danh N lại không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Thị Si M. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã hòa giải hôn nhân giữa chị Thị Si M và anh Danh N hai lần nhưng không mang lại kết quả. Tại phiên tòa, chị Thị Si M xác định là tình cảm của chị Thị Si M dành cho anh Danh N không còn và chị Thị Si M vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Danh N. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Thị Si M và anh Danh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án cho ly hôn giữa chị Thị Si M và anh Danh N.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Thị Si M và anh Danh N tự nguyện xác định là chị M và anh N có hai người con chung là cháu

Danh Thị Huỳnh Như, sinh ngày 10/8/2015 và cháu Danh Thị Như Ý, sinh ngày 26/12/2018. Hiện tại chị Thị Si M đang nuôi dưỡng cháu Như Ý, anh Danh N đang nuôi dưỡng cháu Huỳnh Như.

Xét rằng:

Theo nội dung đơn yêu cầu xác nhận đề ngày 26/12/2023, thì hiện nay chị Thị Si M làm thuê, thu nhập trung bình khoảng 03 đến 04 triệu đồng/tháng (BL 43).

Theo nội dung đơn yêu cầu xác nhận đề ngày 26/12/2023, anh Danh N nêu rằng hiện nay anh làm nghề bốc vác, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10 đến 13 triệu đồng (BL 42); song, tại bản tự khai ngày 20/11/2023, anh Danh N tự nguyện xác định là hiện nay anh làm thuê, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 08 triệu đồng nhưng tháng có, tháng không, mỗi tháng anh Danh N gửi về cho con khoảng 01 đến 02 triệu đồng, có khi không gửi (BL 18); tại các phiên hòa giải tại Tòa án, anh Danh N tự nguyện thừa nhận là hiện nay anh đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh, 1 hoặc 2, 3 tháng anh mới gửi tiền về cho chị Thị Si M nuôi con với số tiền 1, 2 triệu đồng, các chi phí sinh sống, nuôi con còn lại do chị Thị Si M tự lo.

Như vậy, hiện tại cả chị Thị Si M và anh Danh N đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; anh Danh N lại đi làm thuê xa nhà, không thể có khả năng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con; chị Thị Si M thì không có khả năng cấp dưỡng nuôi cả hai người con nếu anh Danh N nuôi cả hai người con. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nguyện vọng của cháu Danh Thị Huỳnh Như vào ngày 30/11/2023 và nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cả hai cháu, Tòa án cho chị Thị Si M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Thị Như Ý, sinh ngày 26/12/2018 cho đến khi cháu Danh Thị Như Ý tròn 18 tuổi; cho anh Danh N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Thị Huỳnh Như, sinh ngày 10/8/2015 cho đến khi cháu Danh Thị Huỳnh Như tròn 18 tuổi; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Như đã phân tích nêu trên về nghề nghiệp, thu nhập, khả năng cấp dưỡng nuôi con của chị Thị Si M và anh Danh N, qua thảo luận và nghị án, HĐXX thống nhất: Chị Thị Si M, anh Danh N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho người đang trực tiếp nuôi người con còn lại.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Thị Si M và anh Danh N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị Si M về hôn nhân và nuôi dưỡng con chung, bác yêu cầu phản tố của anh Danh N về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chị Thị Si M phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Thị Si M phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thị Si M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001086, ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Thị Si M không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Danh N phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí sơ thẩm mà anh Danh N phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Danh N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001249, ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Danh N không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 8, 9, 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị Si M và anh Danh N.

2- Về con chung:

2.1. Cho chị Thị Si M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Thị Như Ý, sinh ngày 26/12/2018 cho đến khi cháu Danh Thị Như Ý tròn 18 tuổi.

2.2. Cho anh Danh N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Thị Huỳnh Như, sinh ngày 10/8/2015 cho đến khi cháu Danh Thị Huỳnh Như tròn 18 tuổi.

2.3. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thị Si M, anh Danh N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho người đang trực tiếp nuôi người con còn lại.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Thị Si M và anh Danh N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí:

Chị Thị Si M phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Thị Si M phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thị Si M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001086, ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Thị Si M không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Danh N phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí sơ thẩm mà anh Danh N phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Danh N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001249, ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Danh N không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Chị Thị Si M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (18/01/2024); anh Danh N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
-UBND xã Bình An, h Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (khi án có hlpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hương